

PHẨM: PHƯƠNG TIỆN

Từ đây xuống là hội thứ hai, gồm chín phẩm. Phẩm này hiển rộng phương tiện quyền nghi của ngài Duy-ma, hầu phát khởi các phẩm sau, cho nên đặt tên là Phương Tiện.

- Phương tiện gồm bốn nghĩa:

1) Tấn thú phương tiện: Tức tiến đến quả vị, như Thất phương tiện trước Kiến đạo.

2) Quyền xảo phương tiện: Như Trí phương tiện trong hai trí. Thật ra không có Tam thừa quyền xảo để lập bày.

3) Thi tạo phương tiện: Tức phương tiện Ba-la-mật trong mười Ba-la-mật. Vì chỗ thực hiện rất khéo léo, nên gọi là phương tiện.

4) Tập thành phương tiện: Như Địa Luận nói: “Pháp này khéo thành tựu nên gọi là phương tiện”, tức các pháp đồng thể cùng nhau tập thành một cách khéo léo, cho nên gọi là phương tiện.

Ba nghĩa trước chỉ thuộc về đức, một loại sau chung cho pháp.

Nay phương tiện được luận ở đây thuộc về nghĩa thứ hai quyền xảo phương tiện. Nhưng nghĩa quyền xảo lại có ba:

1. Thân phương tiện: Như hiện hình trong sáu đường, không có việc gì chẳng làm.

2. Khẩu phương tiện: Thật không có ba thừa quyền xảo để lập bày.

3. Ý phương tiện: hiện các việc như chứng quả Thanh văn, Duyên giác, khởi phiền não, nghiệp khổ...

Ở đây thì chánh là nói về phương tiện thân nghiệp, phụ nói khẩu và ý nghiệp. Cho nên văn sau nói: “Dùng vô lượng phương tiện như thế làm lợi ích chúng sinh”. Vả lại trong đó vì khéo léo giáo hóa chúng sinh cũng tức là có Thi tạo phương tiện. Luận về các phương tiện này gọi là phẩm Phương Tiện.

Sau đây là theo văn giải thích. Trong hội này có phần Tựa và phần chánh, không nhất định, nhưng tấn thối có hai: Một là chỉ lấy pháp do ngài Duy-ma thuyết trong một hội này làm chánh tông, thì từ đầu phẩm cho đến câu “chỉ một mình nằm trên giường để dưỡng bệnh” là phần Tựa; từ câu “Thiện lai! Văn-thù! Tương chẳng đến...” trở xuống là phần chánh tông.

Trong phần Tựa, nếu căn cứ theo người thì gồm hai môn:

1. Gồm chung ngài Duy-ma và Phật để phân biệt.

2. Chỉ căn cứ theo ngài Duy-ma để phân biệt.

Nếu căn cứ chung theo ngài Duy-ma và Đức Phật thì tựa có hai phần:

1. Phẩm Phương Tiện nói về Duy-ma hiện bệnh là phần phát khởi.
2. Phẩm Đệ Tử về sau là nói Như Lai sai bảo tức phần khởi thuyết.

Trong phần hiện bệnh lại có ba:

1. Nêu ngài Duy-ma tức nói đến người khởi thuyết.
2. Từ câu “đã từng...” trở xuống là khen ngợi Duy-ma, hiển rõ đức khởi thuyết.
3. Từ câu “Ông ấy dùng phương tiện hiện thân có bệnh...” là hiện bệnh khởi thuyết.

Sau đây nói về việc Như Lai sai bảo. Trong phần Tựa này, văn cũng có ba:

1. Duy-ma-cật nghĩ đến việc đợ Phật đến thăm bệnh, là nguyên do sai bảo.
2. Như Lai nhân đó suy nghĩ đến, tức là chánh thức bảo thăm bệnh.
3. Từ câu “Ông Duy-ma-cật nghĩ Văn-thù và đại chúng...”, Duy-ma làm trượng thất trống không, đợ đại chúng đến nói pháp.

Trong phần này thì thăm bệnh là Tông, vì thế là gọi chung phần Như Lai bảo đến thăm bệnh là phát khởi tự. Đó tức theo văn để phân làm tựa và chánh.

Căn cứ chung ngài Duy-ma và Phật thì như thế, còn chỉ căn cứ theo ngài Duy-ma thì thế nào? Trong đó cũng lược chia ba môn:

1. Tựa hiển đức.
2. Tựa hiện tướng.
3. Tựa hưng niệm.

Hiển đức, tức là nêu rõ đức hạnh của ngài Duy-ma thù thắng, khiến người cung kính nghe pháp ưa thích tin nhận; gồm ba:

1. Khen ngợi để hiển đức.
2. Từ câu “Vì ông ấy bệnh, cho nên vua quan đều đến thăm...” là nhờ vào thuyết để hiển đức, cũng gọi là nhờ vào việc giáo hóa để hiển đức.
3. Phẩm Đệ Tử về sau là nhờ vào đối luận để hiển đức.

Trong phần này thì trước đối với người chẳng kham nhận để hiển đức cao, sau đó đến phần đầu phẩm Văn Tật là đối với bậc kham nhận được đề hiển đức diệu. Hiển đức như thế còn hiện tướng thì như thế

nào? Về tướng hiện lại có hai:

1. Hiện bệnh là nguyên do.
2. Phẩm Vấn Tật, làm thất trọng không là phần phát khởi.

Luận về hiện bệnh là nguồn của mười phẩm sau, nói thất trọng là gốc của bảy phẩm kế nên gọi là tựa. Bảy và mười thì trong phẩm Vấn Tật sẽ nêu đủ. Hiện tướng như thế, còn hưng niệm thì thế nào? Niệm có hai:

1. Phẩm Đệ Tử, đầu tiên nghĩ đến việc thăm bệnh là nguyên do.
2. Phẩm Vấn Tật, đầu tiên suy nghĩ ngài Văn-thù đến, làm trọng thất trọng không để tiếp đón.

Tướng của tựa như thế còn phần văn chánh tông thì hợp thời sẽ bàn. Phần tựa và chánh này xưa nay đều sử dụng.

Thứ hai, tổng gom tất cả những điều mà ngài Duy-ma thuyết trong một đời làm phần chánh tông thì từ đầu cho đến đoạn “Ông dùng phương tiện hiện thân có bệnh” là phần Tựa nguyên do. Từ câu “Vì ông ấy có bệnh nên vua quan đến thăm...” là phần chánh tông. Gom tập tất cả pháp mà ngài Duy-ma thuyết trong một đời làm pháp chánh hạnh khiến cho người tu học. Trong phần Tựa thứ nhất, theo văn gồm có ba:

1. Nêu người thuyết.
2. Từ câu “Đã từng cúng dường...” khen ngợi đức thuyết pháp.
3. Từ câu “Ông ấy dùng phương tiện hiện thân có bệnh...” là hiện bệnh khởi thuyết.

Lại trong phần đầu nói Tỳ-da là nêu trụ xứ; nói “Có Trưởng giả” là nêu người. Đức cao người đương thời đều trọng vọng nên gọi là Trưởng giả. Nói Duy-ma-cật là tên húy. Kế đó khen ngợi đức hạnh, đầu tiên khen thật đức. Từ câu “muốn độ người...” là khen quyền đức, thật là gốc của giáo hóa, cho nên khen trước. Quyền là phép tắc của giáo hóa, cho nên khen sau. Trong thật có hai:

1. Nội đức của ngài Duy-ma viên mãn.
2. Từ câu “Chư Phật khen ngợi...” tiếng tốt vang xa, mọi người đều kính ngưỡng.

Trong đức thật thứ nhất, trước tiên khen công đức tự phần, kế đó từ câu “Trụ lâu nơi Phật đạo, tâm đã thuần thực...” là khen công đức thắng tấn. Trong tự phần thì trước khen đức tự lợi; kế đó từ câu “biết rõ sinh tử...” là khen đức lợi tha. Trong phần khen tự lợi, thì trước khen ha-nh tròn, kế đó từ câu “Đại nguyện đã thành tựu” là khen nguyện đủ.

Tán thán hạnh là căn cứ theo giai vị, tức là vì ngài Duy-ma trụ nơi một địa mà gồm đủ công đức các địa khác, cho nên theo giai vị mà

khen ngợi.

Nói “Đã từng cúng dường vô lượng Đức Phật, trồng sâu căn lành”, là khen hạnh công dụng của những địa từ Địa thứ bảy về trước. Như Địa kinh đã nói: Mỗi một địa đều cúng dường Phật nên gọi là “đã cúng”. Nói “Vô lượng chư Phật” là gồm thâm công đức. Nói “Trồng sâu căn lành” là gồm nhiếp trí tuệ. Vả lại cúng dường chư Phật là chỗ nương để khởi hạnh, trồng sâu gốc lành là chánh thức khởi hạnh.

Nói được Vô sinh nhẫn là khen ngợi hạnh của Địa thứ tám, nhẫn gồm năm bậc, như kinh Nhân Vương nói:

1. Phục nhẫn, tức hàng Chủng tánh hạnh giải sâu xa, chế phục phiền não, nên gọi là phục.

2. Tín nhẫn, Sơ địa, Nhị địa, Tam địa đối với vô sinh có lòng tin bền chắc chẳng hoại.

3. Thuận nhẫn, Tứ địa, Ngũ địa, Lục địa tùy thuận hưởng đến vô sinh.

4. Vô sinh nhẫn là ở Địa thứ bảy, thứ tám, thứ chín thấy pháp chẳng khởi tâm.

5. Tịch diệt nhẫn, Địa thứ mười và Phật, các tướng đều tận, chứng tịch diệt, được Đại Niết-bàn.

Địa thứ bảy tuy được vô sinh nhẫn, nhưng chưa được thanh tịnh, Địa thứ tám trở lên, Vô sinh nhẫn đã thanh tịnh, cho nên y cứ vào đó để luận.

“Biện tài vô ngại” là khen ngợi hạnh của Địa thứ chín, giai vị này đầy đủ bốn Vô ngại biện tài, thuyết pháp độ sinh, gọi là Biện vô ngại.

“Du hý thần thông...” là khen hạnh của Địa thứ mười. Dụng biến hóa khó lường nên gọi là thần, thần mà không ngăn trệ nên gọi là thông, trải qua thần thông này gọi là du, ra vào không ngăn ngại giống như trò vui chơi, nên gọi là hý.

“Đạt các môn Tổng trì” là khen đại Đà-la-ni trong Địa thứ mười. Được Vô úy... là Đại trí tuệ của Địa thứ mười. Trí có bốn loại:

1. Trí phá tà.

2. Trí vào chánh.

- Hai loại này là một đôi.

3. Thật trí.

4. Phương tiện trí.

Hai loại này là một đôi.

Lại trong văn, đầu tiên nói “đạt được vô sở úy, hàng phục ma oán” đó là trí phá tà. Đạt Vô sở úy, tức là đạt bốn Vô úy, chế phục

ngoại đạo. Hàng phục ma oán, vì đạt được mười Lực Phật thì phá dẹp được ma oán. Ma hay làm lao khổ loạn động, nên gọi là lao; làm hư nát căn lành của người nên gọi là oán. Mười Lực bền chắc, hàng phục được ma, đó đều là đức của Phật, vì sao gọi là đại trí của Địa thứ mười? Vì viên mãn thì chỉ ở quả Phật, nhưng chứng đắc thì ở Địa thứ mười. Nên phẩm Phát Thụ trong kinh Đại Phẩm nói “Địa thứ mười đã chứng đắc mười Lực, bốn Vô úy...”

Nói “Vào pháp môn sâu xa” là vào trí chánh, Như Lai tạng tánh là pháp môn sâu xa. Chứng ngộ gọi là nhập (vào). Đã luận xong đôi thứ nhất.

Nói “Thiện nơi trí độ”, là trí chân thật. Kinh nói Trí ba-la-mật của Địa thứ mười rất tăng thượng, nên gọi là thiện trí độ. Đây là trí chứng ngộ.

Nói “Thông đạt phương tiện”, là trí phương tiện. Tùy hữu mà khéo biết gọi là Thông đạt phương tiện. Đây là trí giáo hóa.

Trước thán hạnh tròn, từ câu “nguyện lớn thành tựu” là khen nguyện đủ. Tất cả điều mong cầu đều được, gọi là nguyện lớn đã thành.

Trên là khen về tự lợi, sau đây là khen về lợi tha. Nói “biết rõ chỗ hướng đến của tâm chúng sinh”, là biết dục của họ. Hiện đời khởi hy vọng gọi là dục. Biết chỗ cầu mong của dục gọi là chỗ hướng đến.

“Lại biết phân biệt các căn lợi độn”, là biết căn ở chúng sinh. Xưa tu tập nay thành là căn, tức năm căn tín, tấn... Căn tánh khác nhau, có lợi có độn, ngài Duy-ma đều biết.

Trên là khen ngợi tự phần, sau đây là khen ngợi về thắng tấn. Trên thì gồm thâu cả Phật đức gọi là thắng tấn, gồm bốn câu: Câu một, “trụ lâu nơi Phật đạo, tâm đã thuần thực”, là nói về nguyện đã thành tựu. Quả đại Bồ-đề là Phật đạo. Thuần là tinh (chuyên, ròng), thực tức thiện (khéo, giỏi). Ngài Duy-ma có tâm cầu Phật tinh thuần, thiện thực, nên gọi là thuần thực.

Câu hai, “Quyết định Đại thừa”, là nói về tâm tín thành, Phật quả là Phật. Sở thừa (phương tiện đi, cưỡi) của bậc đại nhân gọi là Đại thừa. Đối với Đại thừa này, có lòng tin sâu xa, nhất quyết chẳng nghi, cho nên gọi là quyết định. Câu thứ ba: “Các việc làm đều suy nghĩ kỹ” là nói về kiến giải thành tựu. Thắng tấn chẳng phải là một, cho nên nói “Các việc làm”; trong đó đều quán xét thấu đáo, không lầm lẫn nên gọi là suy nghĩ kỹ. Câu thứ tư: “Trụ ở nơi oai nghi Phật, tâm như biển lớn”, là nói hạnh thành tựu. Nói trụ ở oai nghi Phật tức là thân hạnh đồng Phật,

tâm lớn như biển là tâm hạnh đồng Phật.

Trên khen ngợi đức hạnh đã xong, sau đây là khen ngợi về danh thơm tiếng tốt, được người kính trọng. Nói “Chư Phật khen ngợi”, là trên được Phật khen. Tất cả chư Phật trong mười phương đều dùng lời khen tặng.

Nói “Đệ tử, Thích, Phạm, Thế chủ kính trọng” là bên dưới được trời người kính. Nói Đệ tử kính là loài người kính, tức bốn chúng đệ tử của Phật đồng kính trọng. Nói Thích, Phạm, Thế chủ kính là chư Thiên (trời) kính. Thích là Đế Thích, Phạm tức Phạm vương, Thế chủ là bốn vị vua Hộ thế, thường được các vị này tôn kính. Sáu đường đồng kính ngưỡng là những hàng đã nêu.

Trên đã nói về thật đức, sau đây là khen quyền đức. Trong phần khen quyền đức, đầu tiên là khen chung, từ câu “của cải nhiều vô lượng để nhiếp hóa kẻ nghèo cùng...” là khen riêng; từ câu “Dùng vô lượng phương tiện như thế làm lợi ích chúng sinh...” là kết luận tán thán. Trong phần khen chung nói: “Vì muốn độ người cho nên hiện sinh”, là luận về chỗ thực hành, tức là dùng trí phương tiện khéo léo để hiện sinh. Về nghĩa của phương tiện, nếu căn cứ theo hạnh mà luận chung thì gồm có ba: Một là, chứng phương tiện, tức xả bỏ tình tướng mà khéo léo chứng nhập Đệ nhất nghĩa, cho nên Địa kinh nói trong Địa thứ tám gọi chứng hạnh kia là Thiện tuệ phương tiện; hai là, trợ phương tiện, tức khéo léo tu tập trong hạnh trợ đạo tùy hữu vi kia, nên gọi là phương tiện. Kinh Địa Trì nêu mười hai hạnh xảo phương tiện, trong đó hạnh khéo léo tu tự lợi, hạnh khéo léo tu lợi tha đều gọi là phương tiện; ba là, trong hạnh chẳng trụ khéo léo khởi tu, gồm sáu loại:

1. Quán “không” chẳng chấp, thường khởi hạnh hữu gọi là phương tiện. Như Địa kinh nói mười phương tiện tuệ phát khởi thắng hạnh.

2. Hành nơi hữu mà chẳng nhiễm, tâm thường hằng chứng tịch diệt, gọi là phương tiện.

3. Ngay nơi tịnh mà thường nhiễm, được đại Niết-bàn mà chẳng bỏ thế gian, nên gọi là phương tiện.

4. Nhiễm mà hằng tịnh, chẳng bỏ thế gian mà thường Niết-bàn, nên gọi là phương tiện.

5. Tự lợi gồm cả lợi tha, không chỉ riêng tự lợi nên gọi là phương tiện.

6. Lợi tha gồm cả tự lợi, chẳng mất tự lợi, nên gọi là phương tiện.

Nay phương tiện luận ở đây là Bất trụ phương tiện, trong bất trụ,

chứng không tùy hữu, tức tịnh tùy nhiễm, tức tự gồm tha, gọi đó là phương tiện trí.

Nói “Trụ ở thành Tỳ-da-ly” là chính thức nói về hiện sinh; trong phần riêng gồm có hai: Một là, dùng đạo nhiếp tục, nghĩa là dùng lục độ nhiếp thủ chúng sinh. Theo văn có thể biết; hai là, từ câu “Tuy là hàng Bạch y...” tức dùng tục để đạt đạo, trong đây gồm ba:

1. Sống ở thế tục chẳng đồng.

2. Từ câu “Vào việc trị nước...”, là dùng phép tắc thế gian để giáo hóa làm lợi ích.

3. “Nếu vào hàng Trưởng giả thì làm bậc tôn quý nhất trong hàng Trưởng giả”, tức ở bậc trên nhiếp phục kẻ dưới.

Trong đoạn thứ nhất gồm mười ba câu, thu về ba đôi.

Tự lợi lợi tha:

1. Gồm bảy câu đầu.

2. Bốn câu kế.

3. Hai câu cuối.

Đôi thứ nhất thì sáu câu đầu nói về tự lợi, một câu sau nói về lợi tha. Trong sáu câu tự lợi, câu đầu là căn cứ theo hình tướng phân biệt đạo, tục; “tuy là bạch y nhưng thọ trì giới hạnh thanh tịnh của Sa-môn”. Câu kế tiếp căn cứ theo xứ, tức câu “Tuy ở nhà mà chẳng dính mắc nơi ba cõi”. Hai câu kế căn cứ theo người, tức câu “hiện có vợ con mà thường tu Phạm hạnh, hiện có quyến thuộc mà thường thích xa lìa”. Hai câu sau căn cứ theo vật dụng để phân biệt, tức nói “Tuy phục sức quý giá, nhưng dùng tướng quý và vẻ đẹp trang nghiêm thân, tuy có ăn uống, nhưng thường dùng thiền duyệt làm vị”. Thức ăn có hai là thức ăn thế gian và thức ăn xuất thế gian. Thức ăn thế gian có bốn loại là đoàn thực, tư thực, xúc thực và thức thực; thức ăn xuất thế có năm loại là pháp thực, thiền thực, niệm thực, nguyện thực và giải thoát thực. Nay ngài Duy-ma tuy dùng đoàn thực mà lại lấy thiền duyệt làm vị. Thiền tức thiền thực. Thiền định là tinh thần vui nên gọi là duyệt, làm tinh thần dễ chịu, nên gọi là vị. Đây là tự lợi. “Vào nơi cờ, bạc vui chơi để độ người” là nói về lợi tha. Bạc là lục bạc, Dịch tức kỳ đích. Vào nơi vui chơi này là để độ người.

Đôi thứ hai, thì hai câu đầu nói về tự lợi. Câu “Tuy thọ pháp của ngoại đạo nhưng chẳng hủy hoại lòng tin” là nói về Tín chẳng hoại. “Tuy biết rõ sách thế gian, nhưng thường thích Phật pháp” là nguyện chẳng hoại. Hai câu sau nói về lợi tha. “Cung kính tất cả mọi người, là bậc cúng dường tối thắng nhất”, đây là nói về thân nghiệp làm lợi ích

chúng sinh. Ngài Duy-ma khéo léo giáo hóa, nay những người ngài nhìn thấy, ngài đều cung kính tôn trọng, vì thế gọi là nhất thiết kiến kính. Ngài Duy-ma, đạo đức cao sâu nếu có người tôn kính thì đạt vô lượng phước, cho nên tối thắng nhất trong hàng được cúng dường. “Năm giữ chánh pháp để nhiếp phục kẻ lớn người nhỏ”, là khẩu nghiệp làm lợi ích. Dùng chánh pháp của Phật giáo hóa Đại, Tiểu thừa, nên nói là nhiếp phục kẻ lớn người nhỏ.

Đôi thứ ba, câu đầu là tự lợi, nhóm họp ít mà vui nhiều gọi là hài ngẫu; tâm không tham lam, cho nên thu được lợi lạc thế tục mà chẳng lấy làm vui. Câu sau nói về lợi tha. Gặp người liên giáo hóa, cho nên nói dạo chơi nơi phố chợ mà làm lợi ích chúng sinh. Trên là đoạn thứ nhất nói về ý ở nơi tục mà chẳng đồng tục. Từ đây trở xuống là đoạn hai nói về dùng pháp lợi ích chúng sinh. Gồm năm câu: “Năm phép trị chánh để cứu giúp tất cả” là dùng vương pháp để lợi ích người. “Vào nơi giảng luận thì thuyết Đại thừa”, tức dùng Phật pháp để nhiếp phục người. “Vào các trường học khai hóa kẻ sơ cơ” là dùng pháp thế tục để dạy người. “Vào các nhà dân nói tội lỗi của dục, vào quán rượu mà hay lập chí cho người”. Hai câu này là hành phép tắc để lợi sinh.

Đoạn thứ ba, ở bậc trên nhiếp phục kẻ dưới, gồm mười một câu: Tám câu trước nói là bậc tôn kính trong loài người. Ba câu sau là nói bậc tôn kính trong hàng trời. Sáu đường đều đủ nhưng trời người đạt được lợi ích nhiều hơn, cho nên được nêu lên. Trong tám câu về người thì đầu tiên nói “Nếu ở trong hàng Trưởng giả là tôn quý trong hàng Trưởng giả, dạy cho họ pháp thù thắng”. Các trưởng giả phần nhiều là người thông minh nên cần dạy thắng pháp. “Trong hàng cư sĩ là bậc tôn quý trong hàng Cư sĩ, dạy họ đoạn trừ tham trước”; Cư sĩ có hai loại:

1. Người tích chứa nhiều của cải, sống với tài sản nên gọi là Cư sĩ.

2. Tại gia tu đạo, người sống ở gia đình mà tu tập đạo pháp, gọi là Cư sĩ.

Ở đây y cứ theo loại thứ nhất, vì những người này phần nhiều tham đắm tài sản, cho nên dạy họ đoạn tham. “Là bậc tôn quý trong hàng Sát-đế-lợi, dạy cho họ nhẫn nhục”. Sát-lợi là dòng vua chúa, tự do, khó nhẫn nhịn, nên dạy pháp nhẫn. “Là bậc tôn quý trong hàng Bà-la-môn, trừ dẹp ngã mạn cho họ”, Bà-la-môn phần nhiều học rộng, thích sinh ngã mạn cống cao, cho nên dạy dỗ để trừ bỏ. “Là bậc tôn quý trong các đại thân, dạy cho họ chánh pháp”, hàng quan lại là đứng đầu ở thế tục, ưa thích trách phạt vu khống, nên cần phải dùng chánh pháp giáo hóa.

“Là bậc tôn quý trong hàng vương tử, dạy cho họ trung hiếu”. Vương tử đối với cha vừa là thần, vừa là con, làm thần thì nên trung, làm con phải hiếu, vì thế phải dạy cho họ biết. Các vương tử phần nhiều tham tước vị, thích làm những việc nghịch lại, cho nên phải dạy cho họ trung hiếu. “Là bậc tôn quý trong hàng nội quan, dạy dỗ cung nữ”; hàng hoạn quan thường chủ quản cung nữ, để dùng phép tắc giáo hóa, cho nên dạy cho họ chánh pháp. “Là bậc tôn quý trong hàng thứ dân, khiến họ làm việc phước đức”; hàng phàm dân phần nhiều phước mỏng, cần phải dẫn dắt họ khiến họ tu phước nghiệp.

Sau đây là làm bậc tôn quý trong hàng trời:

“Là bậc tôn quý trong hàng Phạm thiên, dạy cho họ thắng tuệ”; hàng Phạm vương phần nhiều thích tu tập thiền định, chẳng thích tu Thánh đạo, nên cần phải dạy thắng tuệ. “Là bậc tối thắng trong hàng Đế Thích, dạy cho họ Vô thường”; Đế Thích phần nhiều đắm trước năm dục, nên phải dạy vô thường khiến những vị trời này sinh tâm nhàm chán. “Là bậc tôn quý trong hàng Hộ thế, bảo vệ chúng sinh”; bốn vị Thiên vương bảo hộ thế gian, không để quỷ thần làm hại nhân dân, nên gọi là trời Hộ thế. Ngài Duy-ma ở địa vị này thường bảo vệ chúng sinh. Chư Thiên thì nhiều vô lượng mà chỉ nêu những vị này thôi.

Trên là nói về khen ngợi riêng, còn câu “Dùng vô lượng phương tiện như thế để làm lợi ích chúng sinh”, là câu kết luận tán thán.

Đã nói phần thứ hai là khen ngợi đức thuyết pháp, từ câu “Dùng phương tiện hiện thân có bệnh...” là phần thứ ba nói về hiện bệnh khởi pháp thuyết pháp. Nhờ vào thân bệnh để hoằng đạo, nên gọi là phương tiện; đây cũng là một loại phương tiện trong các phương tiện nêu trên.

Trên là phần Tựa, sau đây là phần chánh tông, trong đây được phân biệt thành năm môn:

1. Căn cứ vào Phạm Thánh được hóa độ để phân biệt.
2. Căn cứ vào việc phạm phu, Nhị thừa và Bồ-tát được giáo hóa mà phân biệt.
3. Căn cứ theo ngài Duy-ma hiển đức mà phân biệt.
4. Căn cứ theo nhân quả được hiển bày mà phân biệt.
5. Tùy văn giải thích.

1. Căn cứ Phạm Thánh được hóa độ:

Toàn phẩm này, nhân phạm phu thăm bệnh mà ngài Duy-ma dạy pháp phạm phu. Từ phẩm đệ tử về sau, nhân Thánh đến thăm bệnh mà ngài dạy pháp Hiền Thánh. Trong đó, trước tiên đối với những người chẳng kham nhận mà hiểu rõ pháp đã thuyết khi xưa. Từ phẩm Vấn

Tật trở xuống là đối với bậc kham nhận được để hiển rõ pháp nói hôm nay.

2. Căn cứ theo phàm phu, Nhị thừa và Bồ-tát được giáo hóa:

Toàn phẩm này là dạy pháp phàm phu. Phẩm thứ hai là dạy pháp Thanh văn. Phẩm Bồ-tát, phẩm Vấn Tật, phẩm Hương Tích là dạy pháp Bồ-tát. Trong đó, trước nhờ vào việc chẳng kham nhận mà nói rõ pháp thể. Từ phẩm Vấn Tật trở xuống là đối với kham nhận mà hiển tướng tu.

3. Căn cứ theo ngài Duy-ma hiển đức: Toàn phẩm Bồ-tát, phẩm Vấn Tật nói rộng về việc ngài Duy-ma khéo léo thuyết pháp, vấn nạn để hiển rõ trí tuệ thù thắng. Từ phẩm Vấn Tật trở xuống là bàn rộng về thần biến của ngài Duy-ma khó lường để hiển bày thần thông thù thắng. Chi tiết và sơ lược thì phán định như thế.

4. Căn cứ theo nhân quả được hiển bày:

Nhân quả có hai:

1. Nhân quả Pháp thân.

2. Nhân quả Tịnh độ.

Từ đầu tiên đến phẩm Bất Nhị Môn là nói nhân quả pháp thân, một phẩm Hương Tích nói về Nhân Quả Tịnh độ. Trong phần nhân quả pháp thân, tùy theo người mà phân biệt làm ba:

1. Phẩm này đối với phàm phu được giáo hóa mà hiển nhân quả pháp thân. Thân Phật thường lạc là quả pháp thân, nói “từ nơi vô lượng công đức sinh ra...” là nhân pháp thân. Trong phẩm đệ tử thì đối với Thanh văn được hóa độ mà hiển nhân quả pháp thân. Đối với chín vị trước mà hiển nhân pháp thân, đối với một vị sau mà hiển quả pháp thân. Phẩm Bồ-tát, phẩm Vấn Tật, hết phẩm Bất Nhị Pháp Môn là đối với việc dạy Bồ-tát để hiển nhân quả pháp thân. Đầu tiên ngài Di-lặc nói về đức của Bồ-tát, đó là quả pháp thân; Quang Nghiêm trở về sau là nói nhân pháp thân. Về nhân thì trước đối với hàng bất kham nhận mà nói về thể của hạnh. Từ phẩm Vấn Tật về sau là y cứ theo bậc kham nhận được mà nói về tướng tu thành tựu. Nhân quả Pháp thân giải thích sơ lược là như thế.

Về nhân quả Tịnh độ, nơi phẩm Hương Tích, đầu tiên nói về quả Tịnh độ, tức nhờ vào Hương Tích Như Lai để hiển bày. Cuối phẩm Hương Tích nói tu mười pháp, tám pháp là nhân Tịnh độ, được hiển thị như kinh đã nêu.

5. Giải thích văn:

Phẩm này, do nơi phàm thăm bệnh mà ngài Duy-ma dạy pháp

phàm. Theo văn gồm ba phần:

1. Nhân hiện bệnh mà Vua, quan, Bà-la-môn... đến thăm.
2. Từ câu “vì những người đến...” trở xuống, nhân có người đến thăm bệnh mà nói pháp.
3. Từ câu “Trưởng giả Duy-ma-cật vì những người đến thăm bệnh mà thuyết pháp...”, là nói về thuyết pháp làm lợi ích.

Đoạn đầu thì có thể tự biết, còn đoạn thứ hai, đầu tiên nói “Vì những người đến mà thuyết pháp”, là nói chung về việc thuyết pháp. Sau là dạy riêng, gồm hai:

1. Nói về sinh tử khổ hoạn khiến người sinh nhàm chán xa lìa.
2. Nói về công đức của Phật, khiến người sinh ưa thích.

Trước khiến nhàm chán sinh tử hộ trì hạnh phàm phu, sau khiến sinh vui thích là hộ trì hạnh Tiểu thừa. Trước dạy nhàm chán thì đầu tiên dạy quán thân có năm điều lỗi; sau từ câu “Này các nhân giả! Các điều ấy đáng nhàm chán”, là kết luận khuyên nên chán lìa. Trong phần dạy riêng thì dạy quán thân Vô Thường, khổ không, vô ngã và bất tịnh, cộng với Quán Phật thân ở sau thành sáu pháp, nhưng các pháp môn có khai hợp bất định. Nếu căn cứ theo một pháp thì cho là một pháp giới, hoặc phân hai là sinh tử và Niết-bàn; ngoài hai pháp này thì không có pháp thứ ba. Nếu căn cứ theo đó mà luận về người, thì Phàm Thánh không có hạng thứ ba. Hoặc phân làm ba là ba tự tánh, như kinh Lăng-già đã nói. Đó gọi là tự tánh duyên khởi, tự tánh thành và tự tánh vọng tưởng đều là pháp sinh tử, trong pháp sinh tử tuy có cảnh nhưng không thật. Từ duyên nhóm hợp mà sinh gọi là duyên khởi. Tâm hư dối chẳng chân thật gọi là vọng tưởng. Thành là Niết-bàn tánh chẳng hoại. Hoặc phân làm bốn đó là bốn pháp ấn, như kinh Địa Trì nói: Nhất thiết hành vô thường, nhất thiết hành khổ, chư pháp vô ngã và Niết-bàn tịch diệt. Ba pháp trước là pháp sinh tử, một pháp sau là Niết-bàn.

Hỏi:

- Lý vô ngã chung cho các pháp, vì sao chỉ định đặt cho sinh tử?

Đáp:

- Nghĩa này không nhất định, có thể phân làm bốn môn:

1. Phân biệt theo tình chấp thì sinh tử có ngã, Niết-bàn vô ngã, vì chấp ngã nên thọ sinh thế gian. Vì thế hữu ngã chỉ ở nơi sinh tử, lìa ngã thì chẳng có sinh, do đây thì Niết-bàn chỉ là vô ngã.

2. Căn cứ theo tướng đối đãi của các pháp mà phân biệt thì sinh tử vô ngã, Niết-bàn có ngã. Thể của pháp sinh tử không có tánh thật, dụng không tự tại, cho nên nói vô ngã. Niết-bàn có tánh chân thật nên

nói có ngã.

3. Căn cứ theo tánh thật và giả dùng để phân biệt thì sinh tử và Niết-bàn đều có ngã. Nghĩa này thế nào?

Trong pháp sinh tử có hai loại ngã: Một là, tánh thật ngã tức Phật tánh, nên trong kinh Niết-bàn có câu hỏi: “Trong hai mươi lăm hữu có ngã chăng? Đức Phật trả lời ngã tức là Như Lai tạng, tạng tức Phật tánh; tất cả chúng sinh đều có Phật tánh là nghĩa của ngã”; hai là giả dụng ngã tức là ngã do năm ấm hòa hợp lại mà thành. Cho nên kinh nói: “Chúng sinh và Phật tánh chẳng tức sáu pháp, chẳng lìa sáu pháp”; sáu pháp tức năm ấm và ngã. Ngã này là giả dụng ngã. Sinh tử có ngã này thì Niết-bàn cũng thế! Pháp thân Như Lai tức là tánh ngã như kinh Niết-bàn nói: “Nếu pháp là thường, là chân, là thật, là chủ, là y mà gọi là ngã, tức là tánh thật ngã”. Nói người giả do năm ấm của chư Phật tập thành, tức là giả dụng ngã.

4. Căn cứ theo lý nhân duyên phá tướng không, thì sinh tử và Niết-bàn đều vô ngã, như kinh nói. Nay căn cứ theo nghĩa thứ hai, cho nên vô ngã thuộc sinh tử. Vì thế kinh Niết-bàn nói pháp sinh tử là vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh; còn pháp Niết-bàn là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Hoặc phân làm năm pháp, như năm pháp nói trong kinh Lăng-già là danh, tướng, vọng tưởng, chánh trí và như như. Danh, tướng và vọng tưởng là pháp sinh tử. Danh và tướng là cảnh sinh tử. Thể của cảnh không thật chỉ có danh, nên gọi đó là danh, sự tướng sai biệt nên gọi là tướng. Vọng tưởng là tình thức của sinh tử. Chánh trí và như như là pháp Niết-bàn. Chánh trí là năng chứng, như như là sở chứng. Vả lại ngài Ca-chiên-diên nói năm pháp thì cũng là năm pháp này. Trong sinh tử nói vô thường, khổ, không, vô ngã và một pháp Niết-bàn là thành năm pháp. Không và vô ngã có gì khác nhau mà lại phân hai? Theo Tỳ-đàm thì thể của các ấm chẳng có ngã, gọi là vô ngã. Ấm chẳng có ngã sở nên nói là không. Nếu theo Thành Thật thì chúng sinh không nên gọi là không, pháp thể không thì gọi là vô ngã, cho nên luận ấy lại nói rằng quán chúng sinh không gọi là không, vì ngăn chặn tất cả mười sáu thân; quán pháp không gọi là vô ngã hạnh. Nếu theo kinh này thì nói chúng sinh không là vô ngã, cho nên văn sau nói: “Chúng sinh là đạo tràng, vì biết vô ngã”; pháp không gọi là không, cho nên văn sau ghi: “Tất cả các pháp là đạo tràng, vì biết các pháp không”. Vì có sự khác nhau này nên phân biệt làm hai. Như trong đây nói nơi sinh tử tuyên thuyết vô thường khổ, không, vô ngã, bất tịnh và Niết-bàn hợp nhất, cho nên có sáu loại. Hoặc phân làm tám, như Niết-bàn nói, trong pháp sinh tử thì

nêu vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, trong pháp Niết-bàn nói Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, tổng cộng là tám. Hoặc chia làm mười, tức trong sinh tử thì nói vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh; trong pháp Niết-bàn tuyên thuyết Thường, Lạc, Ngã, Tịnh và Hữu, tổng cộng thành mười. Hoặc phân mười sáu pháp như kinh Niết-bàn nói, tức Niết-bàn có tám là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, Chân, Thật, Thiện, Hữu; đối lại với Niết-bàn thì sinh tử cũng có tám, tổng cộng thành mười sáu. Nếu nói rộng ra thì thành vô lượng. Nay căn cứ theo một môn mà nói sáu. Căn cứ theo năm pháp trong sinh tử, trước dạy về vô thường, kế dạy quán khổ, kế dạy quán không, kế đó dạy quán vô ngã và cuối cùng là quán bất tịnh. Trong vô thường thì nói “Thân này vô thường” là nêu sinh vô thường, sinh là phần mới khởi phát cho nên nói vô thường; không mạnh khỏe là già, vì già làm mất đi sự khỏe mạnh, cho nên nói là không khỏe mạnh; không có sức là bệnh, bệnh đoạt mất sức mạnh cho nên gọi là không có sức; không bền chắc là chết, tánh không bền chắc dễ bị hoại diệt. Đây giải thích theo nghĩa vô thường đơn giản sơ lược.

“Là pháp chóng hư hoại” là nói niệm vô thường. Vì niệm niệm luôn biến diệt nên gọi là pháp chóng hư hoại. “Chẳng thể tin cậy” là lời tổng kết để nêu rõ lỗi. Thân tướng như thế, người đời cho là thường thì chẳng thể tin.

Trong phần nói về khổ, đầu tiên là chánh thức luận biện, từ câu “như thân này...” theo trí để hiển lỗi. Trong phần chánh luận biện nói “là khổ” tức tâm khổ; “là nơi chứa nhóm bệnh hoạn phiền não” là thân khổ. Não là khổ bên ngoài do trái duyên bức bách, bệnh chứa nhóm là khổ bên trong.

Sau đây là căn cứ theo trí để nêu lỗi. Nói “Như thân này” tức nêu lên thân khổ ở trên. Nói “người trí chẳng nương tựa”, tức chư Phật, Hiền Thánh, người có trí tuệ sáng suốt chẳng bao giờ nương cậy vào thân khổ này.

Trong phần nói về không thì gồm mười câu: năm câu trước căn cứ riêng năm ấm để luận, như kinh Hoa Nghiêm nói: Sắc như bọt tụ, thọ như bóng nước, tưởng như dã mã, hành như thân cây chuối, thức như huyễn. Văn này đầu tiên nói thân này như bọt tụ chẳng thể cầm nắm, tức sắc ấm. Thân này như bóng nước chẳng thể dài lâu, tức thọ ấm. Thân này như sóng nắng vì từ khát ái sinh, tức tưởng ấm, Diệm tức dương diệm, (sóng nắng) xao động nổi lên giống dã mã (bóng dáng hư ảo) nên kinh Hoa Nghiêm ghi là dã mã. Thân này như thân cây chuối không bền chắc, tức hành ấm, thân cây chuối do các bẹ lá tạo thành,

không chắc thật, các hành cũng như thế, các tâm sở pháp tụ họp thành các hành, trong đó không có tánh thật. “Thân này như huyễn vì từ điên đảo khởi” tức thức ấm, như pháp huyễn thuật thế gian, nương vào sự việc mà vọng khởi, tâm thức cũng như thế, nương vào các pháp mà vọng khởi. Năm câu sau đây là căn cứ chung theo năm ấm để nói về không. Trong đó ba câu đầu căn cứ theo nhân duyên sở y để biện không, hai câu sau căn cứ theo thể tánh của thân vô thường để luận không. Ba câu đầu, thì câu thứ nhất nói “thân này như mộng, vì hư vọng mà thấy”, tức căn cứ theo chỗ nương để nói thân hư vọng, tức thân này nương nơi thức tâm hư vọng sinh khởi, như trong mộng, thân nương vào tâm say ngủ mà khởi. Nghĩa là nương vào bảy thức vọng tâm khởi”. Thân này như ảnh tượng, vì từ nghiệp hiện”, tức đối với sở nhân mà nói thân hư giả; thân từ các nghiệp thiện ác ở quá khứ sinh, nghiệp như hình chất, thân như ảnh tượng, cho nên lấy làm dụ. “Thân này như tiếng vang, vì thuộc nhân duyên”, đây là căn cứ theo sở duyên để nói thân hư giả, tức thân do các duyên phiền não từ quá khứ sinh, cũng nhờ vào các duyên như tinh huyết của cha mẹ, thức ăn thức uống mà thành, duyên như tiếng, hình như vang. Hai câu sau dùng tánh vô thường để hiển không, “thân này như mây nổi, biến diệt trong chốc lát”, câu này nêu lên phần đoạn vô thường để hiển không. “Thân này như điện chớp, vì niệm niệm chẳng dùng trụ”, tức dùng niệm vô thường để hiển không.

Trong phần hiển thị vô ngã có tám câu, năm câu đầu căn cứ theo bốn đại để nói về vô ngã, ba câu sau căn cứ theo đương tượng để luận vô. Trong năm câu đầu thì bốn câu trước căn cứ theo riêng bốn đại làm dụ để hiển vô ngã. Một câu sau, căn cứ chung vào bốn đại để hiển vô ngã. Bốn câu đầu nói “Thân này không có chủ, vì như đất”, các trần hòa hợp giả tạm thành đất, tuy có tánh chất giữ gìn nhưng không chủ thể, thân cũng như thế, nhờ các pháp tạo thành, tuy có tác dụng mà không có chủ thể. “Thân này không có ngã, vì như lửa”, tự thật là thể của ngã, tự tại là dụng của ngã, lửa có thể tự do thiêu đốt cỏ cây, tựa như có dụng của ngã, mà không có thật ngã, chúng sinh cũng như thế, tuy có tác dụng mà không thật ngã. “Thân này không trường thọ, vì như gió”, tương tục gọi là thọ, gió tuy tương tục có thể bạt núi, dời đổi nhưng không thọ giả, thân cũng như thế, tuy có tương tục từ đây đến kia, nhưng không có thọ giả. “Thân này không nhân, vì như nước”, dụng chủ thể gọi là nhân (người), nước tuy có tác dụng thấm ướt mà không có thể của nhân, thân cũng như thế, tuy có tác dụng mà không có nhân thể.

“Thân này chẳng thật, bốn đại là nhà, do bốn đại hòa hợp thành,

vì thế chẳng thật”. Đây là câu tổng kết. Các đại là thần trạch, cho nên gọi là nhà. Trên căn cứ theo Đại để nói về thân vô ngã. Sau đây là ba câu căn cứ theo đương tương để luận về vô. “Thân này là không, vì lìa ngã ngã sở”, đây là nói không có ngã thể. Có ba nghĩa:

1. Trong ngoài phân biệt, thì báo thân gọi là ngã, ngoại cảnh là sở hữu của ngã gọi đó là ngã sở.

2. Căn cứ theo bên trong để phân biệt, tức năm ấm hòa hợp tập thành người giả, gọi đó là ngã, năm ấm là sở hữu của ngã gọi là ngã sở như Thành Thật nói.

3. Căn cứ theo năm ấm đối nhau mà phân biệt thì sắc ấm là ngã, các ấm khác là ngã sở, nói thọ là ngã thì các ấm khác là ngã sở, tất cả đều như thế.

Vì sao không có ngã và ngã sở? Có ba nghĩa:

1. Không chấp mười sáu thân ngã gọi là không ngã, vì không ngã nên các pháp chẳng phải sở hữu của ngã, nên không có ngã sở, như Tỳ-đàm đã nói.

2. Trong giả chúng sinh không có tánh của ngã, gọi là không ngã, trong pháp giả danh không có định tánh, gọi là không ngã sở.

3. Tướng của người giả danh hoàn toàn không, gọi là không ngã, tướng giả danh hoàn toàn không có sở hữu, gọi là không ngã sở.

Nghĩa này như trong phẩm Quán Chúng Sinh sẽ nói ở sau. Nay nói như không, lìa ngã và ngã sở là bao hàm nhiều nghĩa. Đây là nói không có ngã thể, hai câu sau là nói không có ngã dụng. “Thân này vô tri, như cây cỏ” là căn cứ theo tâm pháp để nói không có ngã dụng. Hiện tại có biết, vì sao lại nói không? Pháp có bốn loại là sự, pháp, lý và thật; phân biệt các sự tướng ấm giới nhập là sự, số các pháp khổ, vô thường... gọi là pháp, không của pháp tướng gọi là lý, Như Lai tạng tánh chẳng có chẳng không gọi là thật. Bốn lớp này, nếu căn cứ theo môn sự, thì kỳ thật có biết, nếu căn cứ theo pháp mà suy thì biết mà không biết, nghĩa này thế nào? Vì một niệm tâm đầy đủ bốn tướng, khởi đầu là sinh, kế đến là trụ, sau là dị và cuối cùng là diệt. Trong bốn tướng này thì tướng nào là cái biết? Nếu sinh là biết thì ba tướng khác lẽ ra chẳng biết, nếu ba tướng khác chẳng biết thì sinh cũng chẳng biết, cho đến tướng diệt cũng giống như thế. Dầu y tướng mỗi mỗi đều biết thì liền thành bốn niệm riêng, biết bốn pháp, đâu quan hệ gì đến một niệm đầy đủ bốn tướng, nếu bốn tướng mỗi mỗi chẳng biết, bốn tướng hòa hợp mới biết. Nếu đã chẳng biết, cùng tụ hợp làm sao có thể biết được? Như một người mù chẳng thấy, thì tập hợp các người mù lại há có thể thấy sao? Vả lại bốn

tướng không có nghĩa hòa hợp, khi tướng sinh hiện thì các tướng khác chưa hiện, thì cùng hòa hợp với tướng nào; khi tướng trụ hiện, thì tướng sinh đã qua rồi, hai tướng kia lại chưa hiện, vậy lấy gì hòa hợp, cho đến khi tướng diệt hiện tiền thì ba tướng kia đã qua rồi, lại hòa hợp với gì đây? Vì thế tiến thoái đều không có nghĩa hợp, thì chỗ nào sinh ra biết. Theo pháp thì như thế. Nếu theo lý suy xét thì pháp tướng còn không, vậy tri (biết) lại nương gá nơi đâu. Nếu theo thật để suy tìm thì lý pháp tướng cũng chẳng thể nắm bắt hướng gì pháp và tri làm sao có thể được. Nếu pháp đã có, đối đãi nói không, nhưng xưa nay chẳng có, đối đãi với pháp gì mà nói không, vì thế cũng không tồn tại tướng không. Trong bốn lớp này, nay căn cứ theo ba lớp sau mà nói là vô tri. Hiện tại thân này có động có dừng vì sao nói là vô tri? Cho nên lại nêu lên các loài cỏ cây để so sánh hầu hiển nghĩa bất động, mà vô tri lại đồng như cây cỏ bất động. Vô tri thì giống như gạch ngói.

“Thân này không tạo tác, vì do sức gió chuyển”, đây là căn cứ theo sắc pháp để nói không có dụng của ngã. Tiến dừng, tạo tác đều do gió chuyển, chẳng phải là ngã tạo ra. Không có ngã (vô ngã) như thế, sau đây là luận về bất tịnh, gồm tám câu. Một câu đầu chính thức hiển bất tịnh, bảy câu sau thì dùng các nghĩa khác để trợ giúp hiển bày. Câu đầu nói “thân này bất tịnh”, tức nêu thẳng vào đương tướng. Nói “đây đây những thứ dơ xấu” là giải thích để làm rõ sự bất tịnh. Bất tịnh có năm loại:

1. Chủng tử bất tịnh, tức thân này lấy kết nghiệp quá khứ làm chủng tử, lấy tinh huyết cha mẹ hiện tại làm chủng tử.
2. Trụ xứ bất tịnh, từ trong bụng mẹ sinh, nằm dưới sinh tạng, trên thực tạng.
3. Tự thể bất tịnh, toàn thân với ba mươi sáu vật tập hợp thành.
4. Tự tướng bất tịnh, chín lỗ thường thoát ra chất bất tịnh.
5. Tất cánh bất tịnh, thân này sau khi chết, trùng ăn thành phân, lửa đốt thành tro, chôn thì thành đất, truy tìm cuối cùng không có một tướng tịnh.

Nay nói bất tịnh, đây đây các chất dơ xấu, tức là tự thể bất tịnh trong năm tịnh. Các loại khác lược bỏ chẳng ghi. Sau đây là dùng các nghĩa khác để trợ hiển bất tịnh, tức là dùng vô thường, khổ, vô ngã... để trợ hiển. Vả lại khổ, vô thường, không, vô ngã đều là pháp bất tịnh, cho nên cũng gọi là bất tịnh. Trong đó câu đầu dùng nghĩa vô thường để hiển bất tịnh, năm câu kế dùng nghĩa khổ để hiển bất tịnh, một câu sau dùng không vô ngã để hiển bất tịnh. Câu đầu nói “Thân này hư giả” là

tánh vô thường; do nhân duyên tạm thời tụ họp, không có tánh thật nên gọi là hư giả; hư giả không có thật tánh, thì nói gì là thường, nên gọi là tánh vô thường, đây là phá tánh thường. Tuy tạm nhờ vào ăn uống, y phục nhưng cuối cùng cũng trở về tiêu diệt, tướng ấy là vô thường, trước sau đời đời biến diệt, là tướng vô thường; phá dẹp tướng thường, tướng vô thường là thể, vậy thân làm sao mà tịnh được?

Sau đây là năm câu dùng khổ để trợ hiển bất tịnh. Trong đó ba câu đầu dùng già, bệnh, chết, khổ để hiển bất tịnh. Câu thứ bốn dùng nghĩa bốn đại trái nghịch để hiển bất tịnh, một câu cuối cùng dùng nghĩa khổ do năm ấm sinh diệt để hiển bất tịnh. Trong ba câu đầu, câu thứ nhất nói “thân này là tai họa, vì toàn là bệnh hoạn, khổ não”, là bệnh khổ; một đại chẳng điều hòa thì một trăm lẻ một bệnh phát sinh, bốn đại chẳng điều hòa thì bốn trăm lẻ bốn bệnh đồng thời khởi. Nay theo một đại mà nói một trăm lẻ một bệnh sinh. “Thân này như gò, giếng”, bị già bức bách nên nói già khổ; gò cao ắt khô, giếng sâu ắt đầy, có thân ắt phải già, cho nên lấy làm dụ; bị già bức bách là ước theo dụ để hiển pháp, cũng gọi là luận pháp đồng dụ.

“Thân này không nhất định, sẽ phải chết”, là nói chết khổ. Ba câu trước đã xong, lẽ ra cũng có nói sinh khổ, nhưng lược chẳng nêu. Nói “như rắn độc” là bốn đại trái nghịch làm khổ não, giống như bốn rắn mạnh nhất trong một cái ruộng cùng cắn hại nhau, bốn đại cũng như thế, cùng trong một thân, tánh tướng trái nghịch, cho nên lấy làm dụ. Vì sao trái nghịch nhau? Luận về đất thì cứng mà nặng, gió thì động mà nhẹ, nước thì ướt mà lạnh, lửa thì nóng mà khô, cho nên nghịch nhau.

“Như oán tặc”, tức năm ấm sinh diệt khổ. Vì sao gọi ấm là oán tặc? Người thì thích an trụ, mà năm ấm này phá diệt lẫn nhau, trái với ý người, nên gọi là oán tặc. Vì hay tàn hại lẫn nhau nên trong kinh cũng gọi là Chiên-đà-la, nghĩa này thế nào? Trong năm ấm, thức ấm vừa sinh thì tưởng ấm đến phá dẹp, tưởng ấm vừa hiện thì thọ ấm đến diệt, thọ ấm vừa khởi thì hành ấm đến diệt, hành ấm vừa hiện thì thức ấm lại đến phá diệt. Nghĩ rằng trong sắc ấm, căn dụng thay thế nhau, sinh diệt công phá nhau, cho nên gọi là oán tặc, khổ đã như thế, lấy khổ làm thân, thì thân sao thanh tịnh được?

Nói “như không tụ. Vì do ấm giới nhập cùng hợp lại mà thành”, đây là dùng không vô ngã để hiển thị bất tịnh.

Trên là phần dạy riêng, kế tiếp nói: “Này các nhân giả, thân này đáng nhàm chán”, là kết luận khuyên nên nhàm chán xa lìa. Trên dạy nhàm chán là hộ hạnh phiền não, dưới dạy ưa thích là hộ hạnh Tiểu

thừa. Trong đó có hai:

1. Theo Tự hành, dạy cầu thân Phật, bảo hộ tâm Tiểu thừa kia.
2. “Muốn được thân Phật, đoạn trừ hết bệnh cho chúng sinh...” là căn cứ theo lợi tha dạy cầu Bồ-đề hộ trì tâm nhỏ hẹp kia.

Phần thứ nhất lại có hai:

1. Khuyên cầu quả Phật.
2. Từ câu “Từ vô lượng công đức sinh...” là nói quả do nhân kết thành, để khuyên tu nhân Phật.

Trong đoạn một nói “thường thích thân Phật” là nêu quả, khuyên tu nhân. Hàng Thanh văn nhằm chán hữu ắt là cầu diệt độ, Bồ-tát khác với Thanh văn cho nên thích thân Phật.

Sau đây là giải thích ý vì sao khuyên bảo. Hỏi “Vì sao?” là nêu ý trước phát khởi văn sau, tức sở dĩ khuyên các ông cầu Phật là vì sao? Sau đây là tự trả lời giải thích. Thân Phật là Pháp thân, cho nên phải ưa thích. Có người thấy Phật thị hiện đồng hữu vi, vì thế nghi ngờ nên không cầu, vì ngăn chặn ý này, cho nên nói thân Phật là Pháp thân, cần phải cầu. Phật gồm ba nghĩa như phần Biệt chương đã nói. Nay nói Pháp thân là thân báo Phật, vì đã nói từ vô lượng công đức sinh. Do tất cả công đức pháp của Phật tạo thành, nên gọi là Pháp thân.

Sau đây là nói quả từ nhân sinh. Đầu tiên nói “Từ vô lượng công đức sinh” tức là nêu chung; từ câu “Từ giới, định, tuệ...” là nêu riêng; từ câu “từ vô lượng pháp tịnh như thế sinh...” là kết luận. Trong phần nêu chung nói “Từ vô lượng công đức sinh”, tức nói báo thân vốn không, nhưng vì phương tiện tu tập mà khởi, cho nên nói từ đức sinh, đức phân biệt rất nhiều loại, nên nói là vô lượng. Trong phần nêu riêng lại có hai ý:

1. Từ giáo hạnh sinh.
2. Câu “từ chân thật...” tức nói từ chứng hạnh sinh.

Căn cứ theo giáo hạnh thì đầu tiên luận riêng; từ câu “từ đoạn trừ tất cả pháp bất thiện...” là tổng kết.

Trong đoạn luận riêng lại có bốn:

1. Nói về nhân của hạnh.
2. Từ câu “từ sáu thông...” là nói quả của hạnh.
3. Từ câu “từ ba mươi bảy phẩm...” là nhân của đạo.
4. Từ câu “từ mười Lực, bốn Vô úy...” là nói về quả của đạo.

Trong đoạn một, theo văn gồm bốn câu:

1. Câu “từ giới, định, tuệ sinh...” là hạnh tự lợi; giới, định, tuệ, giải thoát tri kiến..., những sách khác ghi là ngũ phần pháp thân, nghĩa như

Biệt chương giải thích. Nay giải thích danh: Phòng giữ điều cấm gọi là giới, trụ duyên gọi là định, quán chiếu là tuệ, ba tướng này là nhân, từ đây mà đắc quả, thật không còn trói buộc gọi là giải thoát, nghĩa là tâm giải thoát, tuệ giải thoát... khi đã giải thoát thì sự biết rõ chiếu soi hiển liễu, gọi là giải thoát tri kiến. Năm pháp này đồng thuộc ba hạnh giới định tuệ. Thứ nhất là giới, thứ hai là định, ba pháp sau thuộc trí tuệ.

2. Từ “Từ, Bi, Hỷ, Xả sinh” là hạnh lợi tha. Bốn pháp này trước đã giải thích.

3. Từ “Bố thí... sinh” bốn pháp thí, giới, nhẫn, tinh tấn thì có thể hiểu, còn Thiên độ tức bốn thiên, định tức bốn định vô sắc. giải thoát tức tám giải thoát; Tam-muội tức ba Tam-muội. Trong Bát-nhã thì Đa văn là giáo trí, trí tuệ là lý trí, cũng gọi là chứng tri. Trên là luận riêng, còn nói “các Ba-la-mật” là kết luận.

4. Từ “phương tiện sinh” là nói về lợi tha, tức phương tiện trí, đây cũng đã một lần giải thích. Trên đã nói về nhân của hạnh; “sáu thông, ba minh” là quả của hạnh. Sáu thông là Thân thông, Thiên nhãn, Thiên nhĩ, Tha tâm, Túc mệnh và Lưu tận. Tam minh tức Túc mệnh, Thiên nhãn và lưu tận minh, cũng như Biệt chương đã nói.

“Từ ba mươi bảy phẩm Trợ đạo sinh, từ chỉ quán sinh”, tức là nói về Đạo, mười Lục, bốn Vô úy, mười tám pháp Bất cộng là đạo quả. Bốn Vô úy ở đây nên giải thích. Ba pháp này đều đạt được ở Thập địa. Vì thế từ đó mà sinh thân Phật. Trên là nói riêng từ câu “từ đoạn tất cả pháp thiện sinh, từ gom tập cả pháp bất thiện sinh” là tổng kết. Trên là nói về giáo hành sau đây là nói về chứng hành. Nói “từ chân thật sinh”, là lý chứng ngộ, tánh Như Lai tạng là chân thật kia, đó là chánh nhân Phật, cho nên Phật từ đó sinh. “Từ chẳng phóng dật sinh” là nói về năng chứng; vọng tình trôi nổi nên gọi là phóng dật, chứng chân thật, xả trừ vọng tình gọi là chẳng phóng dật. Đây là gốc chẳng phóng dật của Bát- nhã. Trước nêu chung, sau là nói riêng. Câu “từ tất cả pháp như thế sinh ra thân Như Lai” là tổng kết. Trước y theo giáo tự hành cầu thân Phật, sau căn cứ theo giáo lợi tha để cầu Bồ-đề. Vì thế nói “muốn được thân Phật nên đoạn sinh tử” tức nên phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam- bồ-đề. Trước nói mọi người đều đến thăm bệnh, kế đến từ câu “Vì họ thuyết pháp...” là nói về lợi ích. Trưởng giả Duy-ma vì những người đến thăm bệnh mà thuyết pháp, làm cho vô số người phát tâm Bồ-đề.

